# PHỤ BIỂU 1: ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2025

*(Kèm theo Quyết định số: 2455/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

*Đơn vị: triệu đồng*

| SỐ TT | Chỉ tiêu | DỰ TOÁN GIAO TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1635/QĐ-UBND | | | DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG | | | DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Dự toán HĐND tỉnh giao | Tỉnh thu | Xã thu | Dự toán HĐND tỉnh giao | Tỉnh thu | Xã thu | Dự toán HĐND tỉnh giao | Tỉnh thu | Xã thu |
| *A* | *B* | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |
| | **THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN** | **10.303.848** | **10.194.636** | **109.212** | **380.789** | **380.789** | | **10.684.637** | **10.575.425** | **109.212** |
| **III** | **CÁC KHOẢN HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP** | **190.000** | **190.000** | | **380.789** | **380.789** | | **570.789** | **570.789** | |

## BIỂU 2: TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

*(Kèm theo Quyết định số: 2455/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

*Đơn vị: triệu đồng*

| Số TT | CHỈ TIÊU | Dự toán giao tại Quyết định số 1635/QĐ-UBND | Trong đó | | Dự toán điều chỉnh tăng | Trong đó | | Dự toán sau điều chỉnh | Trong đó | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tỉnh | Xã | | Tỉnh | Xã | | Tỉnh | Xã |
| *A* | *B* | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |
| **A** | **THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)** | **10.303.848** | **10.194.636** | **109.212** | **380.789** | **380.789** | | **10.684.637** | **10.575.425** | **109.212** |
| **III** | **Thu từ các khoản huy động đóng góp** | **190.000** | **190.000** | | **380.789** | **380.789** | | **570.789** | **570.789** | **0** |
| **B** | **TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG** | **19.057.485** | **10.795.477** | **8.262.008** | **380.789** | **380.789** | | **19.438.274** | **11.176.266** | **8.262.008** |
| **II** | **CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ KHÁC** | **4.579.402** | **4.152.222** | **427.180** | **380.789** | **380.789** | **0** | **4.960.191** | **4.533.011** | **427.180** |
| **5** | **Chi đầu tư từ nguồn huy động đóng góp (nguồn kinh phí tỉnh Cao Bằng hỗ trợ tỉnh Lạng Sơn để thực hiện Tiểu dự án GPMB địa phận các huyện: Văn Lãng, Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh)** | **190.000** | **190.000** | | **380.789** | **380.789** | | **570.789** | **570.789** | **0** |
| **C** | **SỐ THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN** | **15.577.945** | **7.366.553** | **8.211.392** | **380.789** | **380.789** | **0** | **15.958.734** | **7.747.342** | **8.211.392** |
| **2** | **Thu bổ sung có mục tiêu và các nhiệm vụ khác** | **4.579.402** | **4.152.222** | **427.180** | **380.789** | **380.789** | **0** | **4.960.191** | **4.533.011** | **427.180** |
| | Thu huy động đóng góp | 190.000 | 190.000 | | 380.789 | 380.789 | | 570.789 | 570.789 | |
| **E** | **TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG** | **19.032.185** | **10.770.177** | **8.262.008** | **380.789** | **0** | **0** | **19.412.974** | **10.770.177** | **8.262.008** |
| **1** | **Tổng thu cân đối ngân sách địa phương** | **14.443.991** | **6.609.163** | **7.834.828** | **0** | **0** | | **14.443.991** | **6.609.163** | **7.834.828** |

**PHỤ LỤC 3: BIỂU ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG DỰ TOÁN THU, CHI TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số: 2455/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN | Nhà tài trợ (WB, ADB…) | Thời gian thực hiện Dự án | Tổng số vốn viện trợ ký kết hoặc cam kết và vốn đối ứng cam kết | | | | | | Dự toán năm 2025 | | | | | | Đơn vị tiếp nhận viện trợ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán) | | | Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN) | | | Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán) | | | Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN) | | | | |
| | | | | Chi thường xuyên | | | Chi thường xuyên | | | Chi thường xuyên | | | Chi thường xuyên | | | | |
| | | | | Vốn viện trợ | Vốn đối ứng | | Vốn viện trợ | Vốn đối ứng | | Vốn viện trợ | Vốn đối ứng | | Vốn viện trợ | Vốn đối ứng | | | |
| | | | | | Bằng hiện vật, cơ sở vật chất | Bằng tiền | | Bằng hiện vật, cơ sở vật chất | Bằng tiền | | Bằng hiện vật, cơ sở vật chất | Bằng tiền | | Bằng hiện vật, cơ sở vật chất | Bằng tiền | | |
| *A* | *B* | *1* | *2* | *6* | *7* | *8* | *3* | *4* | *5* | *42* | *43* | *44* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **TỔNG CỘNG** | | | | | | | **3.166** | **2.824** | **342** | **-** | **-** | **-** | **2.402** | **2.264** | **138** | | |
| 1 | Dự án " Cải thiện nước sạch và vệ sinh (WASH) bền vững cho các trường trên địa bàn huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn" | Tổ chức Deajin International Volunteers Association (DIVA) - Hàn Quốc | 2024 - T6/2025. | | | | 2.000 | 2.000 | | | | | 207 | 207 | | UBND xã: Thiện Hòa ((Trường PTDTBT TH Yên Lỗ; Trường PTDTBT THCS Yên Lỗ). | Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND tỉnh |
| | | | | | | | | | | | | | 323 | 323 | | UBND xã Quý Hoà (Trường PTDTBT TH&THCS Vĩnh Yên; Trường MN Vĩnh Yên; ) | |
| | | | | | | | | | | | | | 587 | 587 | | UBND xã Thiện Long (Trường MN Tân Hoà; Trường PTDTBT TH&THCS Tân Hoà; điểm trường Nà Lù thuộc Trường TH Thiện Long và MN Thiện Long;Trường MN Hòa Bình; ). | |
| | | | | | | | | | | | | | 323 | 323 | | UBND xã Hồng Phong (Trường PTDTBT TH Hồng Phong; Trường Mầm non Minh Khai) | |
| 2 | Dự án Câu lạc bộ Nữ sinh Mở đường đến Tương lai | Tổ chức The VinaCapital Foundation (VCF)/Hoa Kỳ | 2025-2026 | | | | 1.166 | 824 | 342 | | | | 962 | 824 | 138 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 |